TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tán Nghị và bà Phan Thị Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nẵng tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại Cơ sở 2 trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phan Gia T - Sinh năm: 1989, địa chỉ: K Q, phường T, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 048089……, cấp ngày: 21/5/2023 (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Trương Thị Ái P - Sinh năm: 1993, địa chỉ: Tổ E, thôn T, phường H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 048193……, cấp ngày: 05/3/2023 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2025, bản tự khai ghi ngày 16/5/2025, các biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 28/7/2025 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Phan Gia T trình bày:

Vào ngày 03/11/2021, ông Phan Gia T và bà Trương Thị Ái P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng cũ (số đăng ký: 58). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại tổ E, thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng cũ (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng). Trong thời gian chung sống, giữa hai bên đã tồn tại nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hoà hợp trong lối sống, cách ứng xử dẫn đến đời sống chung không còn hạnh phúc nên ông T không tiếp tục sống chung với bà P từ cuối năm 2022 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàng gắn, không còn tình cảm

với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông T xác định có 01 con chung tên Phan Gia T1 - Sinh ngày: 07/8/2021. Ông T đề nghị giao con chung cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ *(một triệu năm trăm nghìn đồng)* cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản trình bày ngày 28/7/2025, các biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải 28/7/2025 và tại phiên toà hôm nay, bị đơn bà Trương Thị Ái P trình bày:

Bà P xác định lời trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung và tài sản chung là đúng. Ông T bỏ nhà đi từ trước ngày 07/8/2022 (ngày thôi nôi con chung) đến nay mà không quan tâm, chăm sóc đến con chung cũng như không thực hiện nghĩa vụ của người cha đối với con. Nay bà P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông T yêu cầu ly hôn thì bà P cũng đồng ý. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ thì bà P không đồng ý, bà P yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng cho các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết nội dung vụ án*: Căn cứ các Điều 51, 56, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Phan Gia T được ly hôn bà Trương Thị Ái P. Giao con chung Phan Gia T1 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng).

+ Về án phí: Buộc ông T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình, án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Phan Gia T và bà Trương Thị Ái P đã tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (cũ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 58 ngày 03/11/2021. Bị đơn bà Trương Thị Ái P hiện đang cư trú tại phường H, thành phố Đà Nẵng (xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng cũ). Do vậy, Toà án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng (Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng cũ) thụ lý và giải quyết yêu

cầu khởi kiện của ông T đối với bà P về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung giải quyết*: Quan hệ hôn nhân giữa ông Phan Gia T và bà Trương Thị Ái P là hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông T và bà P sống chung tại phường H, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, giữa hai bên đương sự phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hoà hợp trong lối sống, cách ứng xử dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc nên ông T và bà P không còn sống chung từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay, phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương nơi bị đơn đang cư trú vào ngày 29/7/2025. Điều này thể hiện đời sống hôn nhân của các đương sự đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu được ly hôn là có căn cứ. Tại phiên toà, bà P đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T ly hôn bà P theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[3] *Về nuôi dưỡng con chung:* Ông T và bà P có 01 con chung tên Phan Gia T1 - Sinh ngày: 07/8/2021, hiện nay đang ở cùng với bà P. Cả ông T và bà P đều thống nhất giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy con chung còn nhỏ, có giới tính nữ, bà P trực tiếp nuôi dưỡng từ lúc sinh ra cho đến nay và cháu vẫn phát triển bình thường. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu T1, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, đúng với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[4] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Ông T trình bày trước đây có làm giám sát bán hàng tại Công ty D với mức lương 16.000.000đ/tháng, nhưng đã thất nghiệp từ tháng 5 năm 2025 cho đến nay. Nên ông T đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ, khi nào có việc làm ông T sẽ cấp dưỡng mức cao hơn. Tuy nhiên, ông T không cung cấp chứng cứ chứng minh về việc đang thất nghiệp, khả năng thu nhập. Trong khi đó, bà P cho rằng ông T có việc làm nhưng không quan tâm, không thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung trong 03 năm qua nên bà P không đồng ý và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ. Theo quy định tại nghị định số: 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động theo hợp đồng lao động và nghị định số: 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ thì mức lương vùng tối thiểu tháng tại phường T, thành phố Đà Nẵng là 4.410.000đ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì mức cấp dưỡng do Toà án quyết định nhưng không thấp hơn một nữa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi ông T đang cư trú. Mặt khác, ông T thừa nhận không thăm nom, không hỗ trợ kinh tế cho bà P nuôi con trong 03 năm qua. Do đó, bà P đưa ra mức cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000đ là có cơ sở, đảm bảo quyền lợi cho con chung

và quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn tại khoản 2 Điều 82, các Điều 107, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận, phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản đối với bên thứ ba*: Ông T và bà P xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để yêu cầu giải quyết.

[6] *Về án phí:* Ông T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, và 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Gia T đối với bà Trương Thị Ái P về việc *"Ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phan Gia T ly hôn bà Trương Thị Ái P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Gia T1 - Sinh ngày: 07/8/2021 cho bà Trương Thị Ái P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phan Gia T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng), thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 29 tháng 8 năm 2025 cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định pháp luật, giao tiền cấp dưỡng vào ngày cuối cùng của tháng.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Ông Phan Gia T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008644 ngày 16/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng (cũ); như vậy, ông T còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/8/2025).

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nơi nhận:
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND KV4 - Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- UBND phường Thanh Khê;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn